

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2018/HS-PT**

Ngày: 31/05/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Các Thẩm phán:

Ông **Võ Đình Thắng**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Ngô Thị Bích V do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Ngọc H – Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1980 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: tổ 202 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (s) và bà Nguyễn Thị D (s); có chồng là Nguyễn Đình B và 02 con lớn nhất sinh năm 2013 nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị nguyên đơn dân sự kháng cáo:

Ngô Thị Bích V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1979; Nơi cư trú: tổ 30 phường K, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn

Đ (s) và bà Nguyễn Thị N (s); có chồng là Đặng Văn S (sinh năm 1975), có 03 con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Lê Hữu P là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Văn phòng luật sư P và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: 97 G, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự:

- Công ty TNHH M; Địa chỉ: 41 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; do bà Phạm Thị Đ– Sinh năm 1969; Nơi cư trú: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo pháp luật, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự:

- Luật sư Trần Cao N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M, Văn phòng luật sư Trần C thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: K73/11 D, Quận N, Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc H là nhân viên kế toán của công ty TNHH M tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do bà Phạm Thị Đ làm giám đốc. Bà Đ quản lý công việc chung mua bán hàng công ty, theo dõi sổ sách kế toán và hóa đơn do Nguyễn Thị Ngọc H phụ trách, con dấu công ty không phân người quản lý mà để trên bàn làm việc bà Đ. Khi bán hàng cho khách, bà Đ yêu cầu H viết hóa đơn GTGT, sau khi viết các thông tin khách hàng và nội dung mua bán hàng thì H trình tập hóa đơn cho bà Đ ký bên dưới chữ “Người bán hàng”. Sau đó H đóng dấu tên bà Đ và dấu Công ty TNHH M giao cho khách hàng.

Từ tháng 10/2015 thấy có nhiều khách hàng đến công ty mua hàng nhưng không lấy hóa đơn và việc quản lý hóa đơn của công ty lỏng lẻo nên H gặp Ngô Thị Bích V là nhân viên công ty TNHH T thỏa thuận với V về việc V tìm nguồn để bán hóa đơn, chi phí H hưởng lợi mỗi hóa đơn là 02% trên tổng giá trị hàng hóa chưa thuế GTGT. Khi có khách hàng cần mua hóa đơn, V nhắn tên Công ty, địa chỉ, mã số thuế để H lập hóa đơn giao cho khách. Theo quy định của pháp luật thì mua hàng hóa có từ 20.000.000 đồng trở lên phải chuyển khoản qua ngân hàng. Do đó, để tránh bị bà Phạm Thị Đ và Cơ quan thuế phát hiện nên khi viết hóa đơn (đã có thuế GTGT) H chỉ viết số tiền dưới 20.000.000 đồng. Khi viết xong, H đưa cho V, V nhận tiền của người mua đem về đưa

cho H, H trích cho V từ 50.000 đồng đến 1.000.000 đồng có khi nhiều hơn. Ngoài ra người mua hóa đơn còn cho thêm tiền V. Các hóa đơn này Nguyễn Thị Ngọc H tự ghi và ký vào hóa đơn, đóng dấu treo của Công ty TNHH M.

Các doanh nghiệp mà Nguyễn Thị Ngọc H, Ngô Thị Bích V đã bán hóa đơn:

- Bán cho Nguyễn Thị Thanh T là kế toán Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng T 05 tờ hóa đơn GTGT. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế là 77.504.000 đồng. Số tiền H thu lợi là 1.550.000 đồng. V thu lợi 200.000 đồng;

- Bán cho Đào Thị Kim C là kế toán Doanh nghiệp tư nhân N 02 tờ hóa đơn GTGT. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 25.200.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 504.000 đồng. V thu lợi được 100.000 đồng

- Bán cho Nguyễn Đức T là nhân viên thi công điện các công trình 03 tờ hóa đơn GTGT. Tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa thuế là 21.020.000 đồng. H thu lợi 420.400 đồng, V thu lợi 200.000 đồng

- Bán cho Đào Thị X là giám đốc Công ty TNHH MTV Quảng cáo thương hiệu H, bà Đoàn Thị X1 còn mua cho Công ty A do ông Đoàn Văn X2 (anh ruột của bà X1 làm giám đốc) 24 tờ hóa đơn chưa thuế GTGT. Như vậy, tổng giá trị tiền hàng ghi trên 48 hóa đơn chưa thuế là 858.883.000 đồng. H thu lợi 17.177.670 đồng, V thu lợi 5.500.000 đồng

- Bán cho Nguyễn Thị Xuân A2 kế toán Công ty TNHH Quảng cáo và thương mại N do ông Lê Quang Đ2 làm giám đốc 01 tờ. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 10.030.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 200.600 đồng. V thu lợi được 100.000 đồng.

- Bán cho Công ty Cổ phần Lao động H2 tỉnh Quảng Nam 01 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 12.100.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 242.000 đồng. V thu lợi được 200.000 đồng.

- Bán cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H302 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 20.860.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 417.200 đồng. V thu lợi được 200.000 đồng

- Bán cho người đàn ông làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ P 02 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 15.175.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 303.500 đồng. V thu lợi được 100.000 đồng.

- Bán cho người tên H4 (không rõ họ tên, địa chỉ) hay mua hàng của Công ty TNHH M 32 tờ hóa đơn. Tổng giá trị tiền hàng ghi trên 32 hóa đơn chưa thuế là 624.404.000 đồng. H thu lợi 12.488.080 đồng, V thu lợi 800.000 đồng

Qua xác minh các Công ty này đều khai nhận không có ai tên H4 và không có dùng hóa đơn để kê khai thuế. Hiện không thu giữ các hóa đơn này.

- Bán cho Văn Thị Huyền T là kế toán của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Mỹ Thuật G, địa chỉ 54 L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; 03 tờ hóa đơn. Số tiền H thu lợi được 719.200 đồng. V thu lợi được 100.000 đồng. Do hóa đơn này không hợp lệ nên Công ty G không đưa vào kê khai thuế.

- Bán cho Nguyễn Thị M là nhân viên Công ty TNHH Thương mại và tổ chức sự kiện M2 01 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 17.960.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 359.200 đồng. V thu lợi được 150.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Thị G là nhân viên Công ty TNHH in ấn quảng cáo và thương mại T3 01 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 18.058.000 đồng. Số tiền H thu lợi được 361.106 đồng. V thu lợi được 100.000 đồng. Sau khi biết hóa đơn này là không hợp pháp nên Công ty đã điều chỉnh, kê khai và nộp đầy đủ tiền thuế vào Ngân sách nhà nước.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T do bà Ngô Thị T4 làm giám đốc với 76 tờ hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn chưa thuế 1.342.053.000 đồng. nhưng chưa đủ căn cứ để xác định công ty T mua bán hóa đơn với H Và V.

- Đối với Công ty TNHH M do bà Phạm Thị Đ làm giám đốc: Sau khi phát hiện Nguyễn Thị Ngọc H lấy hóa đơn của công ty bán cho công ty khác, bà Đ yêu cầu H đưa cho bà Đ 100.000.000 đồng thì sẽ không tố cáo hành vi của H. H khai có đưa số tiền trên cho bà Đ có sự chứng kiến của Nguyễn Thị Xuân H5 nhưng qua xác minh hiện nay H5 không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiếp tục điều tra.

Theo lời khai của H cho rằng bà Đ có mua bán hóa đơn đối với các công ty như: Công ty TNHH P; Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại T6; Công ty TNHH MTV Q; Công ty TNHH Kỹ thuật V; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ P2; Công ty Cổ phần P3; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T7; Công ty TNHH M3. Qua xác minh điều tra thu nhập tài liệu thì không có căn cứ cho rằng bà Đ mua bán hóa đơn với các công ty này.

Đối với các Công ty mua bán hóa đơn của Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V đã kê khai để khấu trừ thuế GTGT tại Cơ quan thuế gồm: Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng T8, Công ty TNHH MTV Quảng cáo thương hiệu H, Doanh nghiệp tư nhân N, Công ty Cổ phần đầu tư thiết kế xây dựng A, Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng Đ3,

Công ty Cổ phần HCH A, Công ty TNHH quảng cáo và thương mại N3, Công ty Cổ phần Lao động H, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H5, Công ty TNHH MTV Quảng cáo và tổ chức sự kiện T8. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Đà Nẵng đã có Công văn gửi Chi cục thuế thành phố Đà Nẵng; Chi cục thuế thành phố H, tỉnh Quảng Nam để xem xét xử lý theo thẩm quyền nhưng hiện nay chưa có Công văn phúc đáp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, tiếp tục điều tra làm rõ.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định:

+ Căn cứ vào điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự 1999; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị Bích V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Ngô Thị Bích V cho UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử phạt tiền bổ sung, xử lý vật chứng, phân án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 25/ 01/2018 Bà Phạm Thị Đ, nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và 15/ 04 / 2018 Công ty TNHH M có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung, **Về hình sự:** Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H giả mạo chữ ký của Giám đốc để đóng vào 16 hóa đơn GTGT, đây là chứng cứ mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm, vì vậy đề nghị HĐXX xác minh làm rõ và giám định chữ ký về hành vi giả mạo đối với bị cáo H; Bị cáo H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 là không đúng; Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 BLHS 2015 xử phạt bị cáo H 06 (sáu) tháng tù (dưới khung hình phạt) và bị cáo V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ là không đúng; Xác định Công ty TNHH M là nguyên đơn dân sự là không phù hợp, nên dẫn đến hạn chế quyền tố tụng theo luật định. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm g “ phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng”. **Về dân sự:** yêu cầu bị cáo H bồi thường lại tiền thuế VAT 10% cho chi nhánh Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam-Nhà máy CADIVI Miền Trung năm 2016 số tiền là 8.116.737.504 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay xin rút

một phần kháng cáo, buộc bị cáo phải bồi thường tiền thuế VAT của 101 hóa đơn là 1.700.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm không buộc bị cáo bồi thường hóa đơn chứng từ, bệnh án, bệnh lý, tổn thất về tinh thần là không thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí và tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng là 814.109.500 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H cấu kết với bị cáo Ngô Thị Bích V mua bán 101 tờ hóa đơn GTGT có tổng doanh số hàng hóa chưa thuế GTGT là 1.737.154.000 đồng, để thu lợi bất chính. Trong đó Nguyễn Thị Ngọc H thu lợi số tiền 37.743.080 đồng, Ngô Thị Bích V thu lợi số tiền 7.800.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích V 12 tháng tù cải tạo không giam giữ là phù hợp. Các bị cáo Ngô Thị Bích V, Nguyễn Thị Ngọc H bị nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M kháng cáo về phần hình phạt là không đúng với quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 63 BLTTHS năm 2015. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 điều 355 và Điều 356 của BLTTHS 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự bà Đ yêu cầu bồi thường nhưng không có cơ sở, vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng bị cáo phạm tội không có tính chuyên nghiệp và phạm tội có tổ chức như án sơ thẩm xét xử, nên đề nghị HĐXX chỉ xét xử bị cáo ở khoản 1 điều 164a là thỏa đáng. Đề nghị HĐXX kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi chiếm đoạt 100 triệu đồng đối với bà Đ. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H có nhiều tình tiết giảm nhẹ như hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang còn nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, bác ruột là Nguyễn Thành N được tặng thưởng huy chương kháng chiến và được công nhận là Liệt Sĩ. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi

phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo, tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó và khắc phục toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 BLHS 2015 cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M thống nhất với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo a, b, d khoản 2 điều 164a Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận Công ty TNHH M tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại. Án sơ thẩm áp dụng tình tiết “tự thú” để giảm nhẹ cho bị cáo là không đúng và áp dụng điều 54 BLHS xử bị cáo dưới khung hình phạt là không đúng với quy định tại nghị quyết 01 hướng dẫn áp dụng điều 47 BLHS năm 1999. Về 16 hóa đơn bà Đ cung cấp tại phiên tòa. Luật sư cho rằng đây không phải là chứng cứ mới như bà Đ trình bày, mà các chứng từ này đã được cơ quan điều tra thu thập trong số 101 chứng từ do các bị cáo mua bán hóa đơn. Về nội dung ghi trong hóa đơn cũng như chữ ký của bị cáo H ở phần *người bán hàng* là thủ đoạn phạm tội của bị cáo, như bị cáo thừa nhận tại phiên tòa, chứ không phải giả mạo. Đối với yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị Đ số tiền thuế VAT là 1,7 tỷ đồng và tiền chi phí, tiền tổn thất về tinh thần... là 814.109.500 đồng. Yêu cầu này là không phù hợp với quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận những khoản chi phí hợp lý như tiền bà Đ thuê kế toán là 30.000.000 đồng, tiền chi phí cho nhân viên đi lại hết 50.000.000 đồng và các chi phí khác là 20.000.000 đồng. Tổng cộng buộc bị cáo H phải bồi thường là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H giữ nguyên nội dung kháng cáo và không đồng ý bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con còn nhỏ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V đã khai nhận: Từ tháng 10/2015, Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V lợi dụng có nhiều

khách hàng đến công ty TNHH M mua hàng nhưng không lấy hóa đơn và việc quản lý hóa đơn của công ty lỏng lẻo nên H đã cấu kết với Ngô Thị Bích V tìm các công ty có nhu cầu mua hóa đơn để bán, H hưởng lợi mỗi tờ hóa đơn là 02% trên tổng giá trị hàng hóa chưa thuế GTGT. Số tiền trên H chia lại cho V theo tỷ lệ đã thỏa thuận trước đó. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H đã cùng với bị cáo Ngô Thị Bích V mua bán 101 tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số hàng hóa chưa thuế GTGT là 1.737.154.000 đồng. Trong đó Nguyễn Thị Ngọc H thu lợi số tiền 37.743.080 đồng, Ngô Thị Bích V thu lợi số tiền 7.800.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự 1999 là chính xác.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H: Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nhiều lần, trong thời gian dài, số lượng mua bán hóa đơn rất lớn. Trước khi phạm tội các bị cáo đã có sự bàn bạc, cấu kết, phân công chặt chẽ với nhau để phạm tội và lấy đó làm nguồn sống chính, nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức và có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê bị cáo V tham gia phạm tội, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Mặc dù bị cáo H được cấp sơ thẩm áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ như tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, còn phải nuôi con còn nhỏ, gia đình bị cáo có thân nhân là người có công với nhà nước, được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54 BLHS 2015 là đúng pháp luật, nhưng xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo xin được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Ngô Thị Bích V và Nguyễn Thị Ngọc H bị nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M kháng cáo về phần hình phạt. Bà Đ yêu cầu xác định tư cách tham gia tố tụng là người bị hại và được quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. HĐXX xét thấy cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH M là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên góp vốn, tại điều 7 của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã quy định bà Phạm Thị Đ là người đại diện theo pháp luật, nên cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH M tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự là hoàn toàn chính xác. Vì vậy, đơn kháng cáo của bà Đ không đúng với quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 63 BLTTHS năm 2015. Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn dân sự

Công ty TNHH M được quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, trong đó được kháng cáo cả phần hình phạt đối với hai bị cáo là không đúng pháp luật, cần phải rút kinh nghiệm. Nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M, giữ y án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Ngô Thị Bích V.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Phạm Thị Đ cung cấp 16 hóa đơn và cho rằng là chứng cứ mới, không nằm trong 101 hóa đơn do bị cáo H mua bán trái phép trong vụ án này. Các hóa đơn này bị cáo Hiền đã giả mạo chữ ký của giám đốc nên cần phải tiếp tục điều tra làm rõ về hành vi giả mạo để xét xử tội danh mới đối với Nguyễn Thị Ngọc H. HĐXX xét thấy, những chứng từ này là hóa đơn liên 1 lưu tại công ty M, còn liên 2 cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và chính là những hóa đơn Nguyễn Thị Ngọc H bán cho 16 công ty, nên đã bị truy tố, xét xử trong vụ án nói trên. BL 358,420,417,418,419,421,... Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn dân sự cũng thừa nhận các hóa đơn bà Đ cung cấp nằm trong 101 hóa đơn do bị cáo H mua bán trái phép và cho rằng đó là thủ đoạn của bị cáo để bán các hóa đơn trong vụ án này. Vì vậy, HĐXX đã trả lại toàn bộ 16 hóa đơn cho công ty TNHH M để lưu trữ hồ sơ kế toán của công ty.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải bồi thường số tiền thiệt hại hoàn thuế 10% VAT của 101 hóa đơn là 1.700.000.000 đồng và bồi thường về sức khỏe, tổn thất tinh thần và các chi phí khác là 814.109.500 đồng. Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn dân sự công ty TNHH M cũng thừa nhận yêu cầu này là không phù hợp với quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vì vậy, luật sư chỉ đề nghị HĐXX chấp nhận những khoản chi phí hợp lý như tiền bà Đ thuê kế toán là 30.000.000 đồng, tiền chi phí cho nhân viên đi lại hết 50.000.000 đồng và các chi phí khác là 20.000.000 đồng. Tổng cộng buộc bị cáo H phải bồi thường là 100.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, công ty TNHH M phải có trách nhiệm kê khai thuế, báo cáo thuế, chấp hành nghĩa vụ thuế cho Nhà nước. Theo công văn của chi cục thuế quận Hải Châu thì chưa có đủ cơ sở cho rằng có thiệt hại xảy ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại về sức khỏe, tổn thất tinh thần đối với bà Đ. Vì vậy, bà Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền nói trên là không có cơ sở và không được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H; của nguyên đơn dân sự Công ty TNHH M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2/ Tuyên bố: Nguyễn Thị Ngọc H, Ngô Thị Bích V phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

+ Căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự 1999; Điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự 1999; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, điều 54 Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị Bích V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Ngô Thị Bích V cho UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

4/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ngô Thị Bích V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5/ Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- TAND quận H ;
- Chi cục THA quận H;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Huỳnh Đức Kỳ